TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐOAN HÙNG** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 137/2019/QĐST-HNGĐ	

Đoan Hùng, ngày 17 tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 22/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2018, giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh **Đỗ Quang T** – sinh năm: 1990

Nơi cư trú: Thôn a, xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

- *Bị đơn:* Chị **Trần Thị Kiều O** – sinh năm: 1990

Nơi cư trú: Thôn a, xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Văn T1, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960 (bố mẹ đẻ chị O)

Trú tại: Số nhà 1, khu a, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

2. Chị Trần Thị Hải Y, sinh năm 1986 (chị gái chị O)

Trú tại: Thôn 2, xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ.

3. Ông Trần Văn T2 (chú chị O), sinh năm 1966

Trú tại: Khu 1, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

4. Ông Trần Đức H (chú chị O), sinh năm 1969

Trú tại: Tổ 5, phường M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

5. Chị Vũ Thị Thu H2 (chị dâu anh T), sinh năm 1976

Trú tại: Thôn 11, xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 6 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 6 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đỗ Quang T và chị Trần Thị Kiều O.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ Về con chung: Anh Đỗ Quang T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Tùng D1 sinh ngày 18/01/2013, chị Trần Thị Kiều O tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Ngọc D2 sinh ngày 17/7/2015, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai. Anh T, chị O đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

+ Về vay nợ chung:

Anh Đỗ Quang T có nghĩa vụ trả toàn bộ số nợ cho chị Vũ Thị Thu H2 (chị dâu anh T), sinh năm 1976, trú tại: Thôn 11, xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ là 7.000.000 đồng (Bẩy triệu đồng).

Chị Trần Thị Kiều O có nghĩa vụ trả toàn bộ số nợ với tổng số tiền là 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng) cho những người sau:

- Ông Trần Văn T1, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960 (bố mẹ đẻ chị O) đều trú tại: Số nhà 1, khu a, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ số tiền là: 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

- Chị Trần Thị Hải Y, sinh năm 1986 (chị gái chị O), trú tại: Thôn 2, xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ số tiền là: 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

- Ông Trần Văn T2 (chú chị O), sinh năm 1966, trú tại: Khu Khu 1, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ số tiền là: 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

- Ông Trần Đức H (chú chị O), sinh năm 1969, trú tại: Tổ 5, phường M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ số tiền là: 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Anh Trung có nghĩa vụ thanh toán số tiền chênh lệch nghĩa vụ trả nợ cho chị Oanh là: 19.000.000 đồng (Mười chín triệu đồng), đã thanh toán.

+ Về tài sản chung, công sức đóng góp: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

+Về án phí sơ thẩm:

- Anh Đỗ Quang T nộp cả 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm và nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai số: AA/2017/0002982 ngày 17/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đoan Hùng. Hoàn lại cho anh T 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Anh Đỗ Quang Trung phải nộp 650.000 đồng *(Sáu trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí giải quyết vay nợ chung nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.300.000 đồng *(Một triệu ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai số: AA/2017/0003188 ngày 29/5/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đoan

Hùng. Hoàn lại cho anh T 650.000 đồng *(Sáu trăm năm mươi nghìn đồng).*

Tổng cộng, hoàn lại cho anh T 800.000 đồng *(Tám trăm nghìn đồng).*

- Chị Trần Thị Kiều O phải nộp 650.000 đồng *(Sáu trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí giải quyết vay nợ chung.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án thep quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Đoan Hùng;
- UBND xã V;
- Chi cục THADS huyện Đoan Hùng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

ĐÃ KÝ

Nguyễn Viết Anh